

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index duy trì diễn biến giằng co cả ngày trước khi được dòng tiền kéo lên vào cuối phiên và đóng cửa tại mốc 1,717.06 điểm, tăng hơn 15 điểm so với hôm qua. 14/18 ngành tăng điểm, nhưng số mã tăng và số mã giảm tương đương nhau, cho thấy dòng tiền có xu hướng phân tán giữa các ngành nhưng trong mỗi ngành thì chỉ tập trung vào một số mã nhất định. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX, UPCOM và bán ròng trên sàn HNX. Dù thanh khoản còn khiêm tốn, nhưng dòng tiền có xu hướng ủng hộ nhịp tăng, nhất là khi VN-Index vượt qua kháng cự 1,700. Trong những phiên tới, chỉ số có thể tiếp tục vừa giằng co vừa trở về vùng 1,730 – 1,740.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 02/12/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+15.39** điểm, đóng cửa tại **1717.06** điểm. HNX-Index **+0.96** điểm, đóng cửa tại **258.87** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+4.49)**, **VJC (+1.97)**, **TCB (+1.62)**, **GEE (+1.06)**, **SAB (+1.04)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VPB (-0.70)**, **LPB (-0.27)**, **REE (-0.18)**, **BSR (-0.16)**, **BID (-0.16)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20,128** tỷ đồng, tăng **24.07%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 22,410 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 28.67 điểm. Thị trường có **144** mã tăng, 66 mã tham chiếu, **149** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **636.51** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VJC (225.25 tỷ)**, **VIC (148.83 tỷ)**, **TCB (130.54 tỷ)**, **MBB (123.91 tỷ)**, **VNM (113.00 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-12.94** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.45%**. Các mã diễn biến tích cực:
TCB (+3.01%) [\(Link báo cáo\)](#)
PVS (+2.50%) [\(Link báo cáo\)](#)
DGC (+1.89%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+0.35%**. Các mã diễn biến tích cực:
SAB (+6.94%)
PC1 (+6.91%) [\(Link báo cáo\)](#)
VJC (+6.87%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.45%	0.35%	0.90%	0.86%
1 tuần	0.95%	0.57%	3.41%	2.12%
1 tháng	-0.52%	-2.44%	4.72%	3.43%
3 tháng	-5.31%	-8.66%	2.13%	4.87%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,717.06	258.87	119.70
% 1D	0.90%	0.37%	0.47%
GTKL (tỷ VND)	20,128	1,248	485
%1D	24.07%	24.17%	15.02%
GDNN (tỷ VND)	636.51	-12.94	28.29

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VJC	225.25	ACB	-74.77
VIC	148.83	VIX	-58.03
TCB	130.54	VPI	-50.09
MBB	123.91	VRE	-48.90
VNM	113.00	VCI	-48.11

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

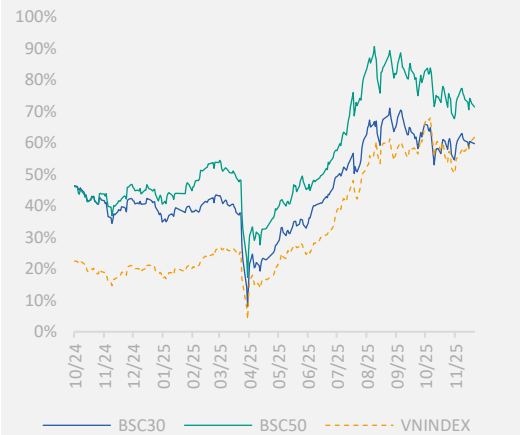
		%D	%W
SPX	6,813	-0.53%	3.17%
FTSE100	9,711	0.08%	1.05%
Eurostoxx	5,699	0.71%	2.45%
Shanghai	3,898	-0.42%	0.72%
Nikkei	49,303	0.00%	1.31%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	62.90	-0.66%
Giá vàng	4,205	-1.44%
Tỷ giá		
USD/VND	26,410	-0.01%
EUR/VND	31,396	0.06%
JPY/VND	173	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.1%	0.01%
LS LNH 1M	5.7%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

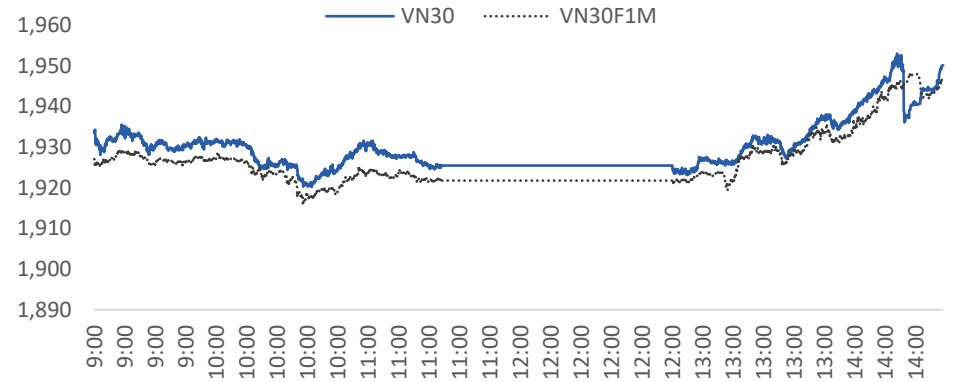
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G1000	1942.20	0.49%	470	16.3%	15/01/2026	44
41I1G6000	1937.00	0.36%	40	110.5%	18/06/2026	198
VN30F2512	1947.00	0.71%	255,879	29.9%	18/12/2025	16
41I1G3000	1940.00	0.67%	35	52.17%	19/03/2026	107

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +16.56 điểm, đóng cửa tại 1950.12 điểm. Biên độ dao động 32.85 điểm. Các cổ phiếu như VJC, VIC, TCB, MBB, VHM tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 bật tăng cuối phiên với thanh khoản ghi nhận cải thiện so với phiên trước. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên. Chiến lược là long/short linh hoạt với phái sinh.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVPB2525	25/03/2026	113	310,300	17.58%	31.70	1,140	418.2%	0.63	33.98	28.90	28.90
CSTB2534	9/02/2026	69	1,200	46.28%	71.70	280	100.0%	0.03	72.26	49.40	49.40
CTCB2515	25/12/2025	23	5,200	38.29%	44.81	510	45.7%	0.00	47.30	34.20	34.20
CTCB2509	15/12/2025	13	1,918,100	0.95%	33.12	720	33.3%	0.78	34.53	34.20	34.20
CTCB2518	23/02/2026	83	1,172,300	8.70%	35.07	1,080	24.1%	0.99	37.18	34.20	34.20
CFPT2510	23/02/2026	83	400	44.69%	131.45	390	21.9%	0.00	139.77	96.60	96.60
CFPT2515	15/12/2025	13	389,000	10.10%	105.84	60	20.0%	0.01	106.36	96.60	96.60
CVJC2506	25/06/2026	205	16,900	8.40%	167.80	6,840	17.3%	5.58	236.20	217.90	217.90
CFPT2505	9/01/2026	38	20,600	41.69%	136.27	70	16.7%	0.00	136.87	96.60	96.60
CTCB2510	23/12/2025	21	274,700	1.98%	30.20	1,600	14.3%	1.42	34.88	34.20	34.20
CTCB2512	23/06/2026	203	309,300	16.05%	36.05	1,870	14.0%	1.53	39.69	34.20	34.20
CTPB2505	3/03/2026	91	200	20.84%	14.94	1,500	13.6%	0.69	20.66	17.10	17.10
CVIC2514	25/06/2026	205	4,500	6.87%	148.89	14,500	12.6%	13.01	293.89	275.00	275.00
CVJC2505	3/03/2026	91	18,400	1.18%	106.87	5,680	12.3%	5.61	220.47	217.90	217.90
CSTB2517	15/12/2025	13	106,100	0.61%	45.00	2,350	10.3%	2.31	49.70	49.40	49.40
CHPG2506	9/01/2026	38	29,800	5.33%	23.15	1,430	10.0%	1.08	27.91	26.50	26.50
CTCB2511	23/03/2026	111	4,500	12.35%	34.10	1,480	9.6%	0.95	38.42	34.20	34.20
CTCB2519	9/03/2026	97	39,800	30.76%	43.30	710	9.2%	0.15	44.72	34.20	34.20
CVIC2509	12/01/2026	41	36,800	6.49%	68.00	56,210	9.1%	51.84	292.84	275.00	275.00
CVIB2511	24/02/2026	84	2,100	21.73%	21.00	730	9.0%	0.20	22.46	18.45	18.45

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *:**

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 02/12/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CVPB2525 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 418.18%. CSTB2514 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.05%.
 - CVHM2521, CFPT2503, CVRE2526, CVHM2524, CTPB2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2508, CVIC2511, CVIC2513, CVIC2514 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	275.00	1.89%	4.49	3.88
VJC	217.90	6.87%	1.97	0.59
TCB	34.20	3.01%	1.62	7.09
GEE	223.00	5.84%	1.06	0.37
SAB	52.40	6.94%	1.04	1.28

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHS	21.30	3.90%	0.44	0.90
DTK	12.10	7.08%	0.34	0.68
PVS	32.80	2.50%	0.23	0.48
CEO	25.40	1.60%	0.14	0.57
MBS	28.50	0.71%	0.07	0.59

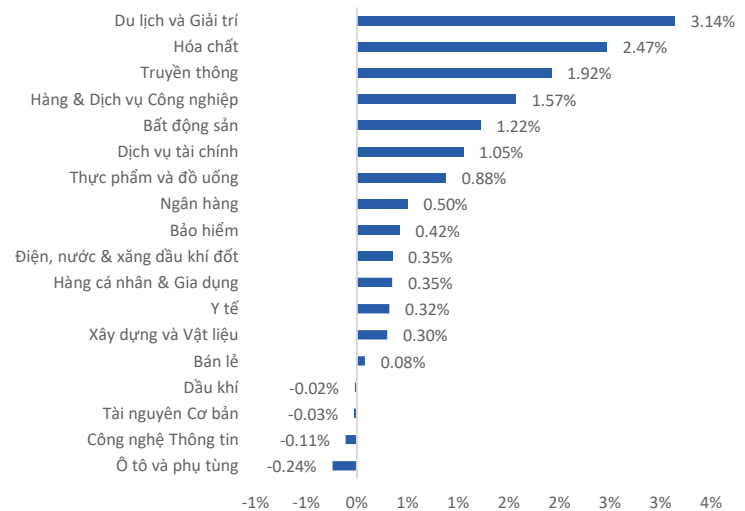
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ITD	15.30	6.99%	0.01	0.25
HID	8.57	6.99%	0.01	1.45
VPS	9.69	6.95%	0.00	0.04
SAB	52.40	6.94%	1.04	5.84
PJT	8.96	6.92%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HTC	32.60	9.76%	0.20	0.00
VHE	4.50	9.76%	0.06	0.92
NBW	38.30	9.74%	0.16	0.00
PJC	27.20	9.68%	0.07	0.00
VTC	20.50	9.63%	0.03	0.04

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPB	28.90	-1.37%	-0.70	7.93
LPB	47.50	-0.84%	-0.27	2.99
REE	63.10	-2.32%	-0.18	0.54
BSR	15.25	-0.97%	-0.16	5.01
BID	36.85	-0.27%	-0.16	7.02

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	112.00	-6.74%	-0.89	0.20
KSF	71.80	-1.51%	-0.57	0.90
BAB	12.10	-2.42%	-0.17	0.96
PTI	34.50	-4.96%	-0.12	0.12
DHT	70.50	-1.95%	-0.07	0.09

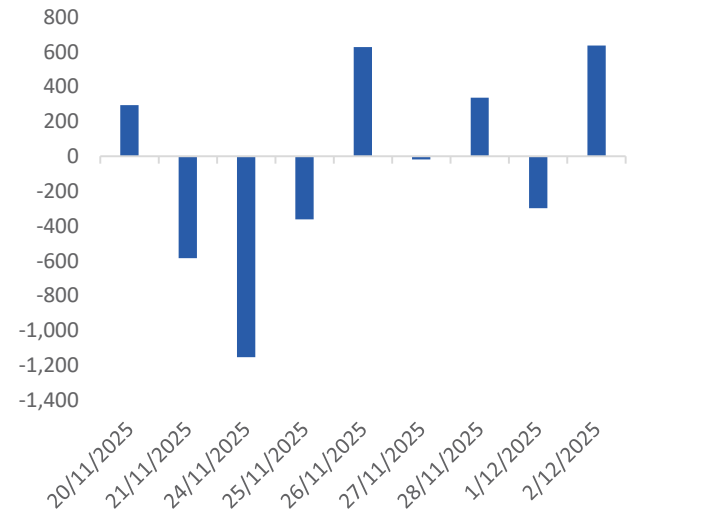
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SVI	38.25	-6.93%	-0.01	0.02
TNC	29.40	-6.81%	-0.01	0.00
HAS	7.83	-6.79%	0.00	0.00
CCI	25.50	-6.59%	-0.01	0.02
TNT	7.83	-5.66%	-0.01	0.03

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BSC	12.30	-9.56%	-0.01	0.00
PTX	25.00	-7.75%	-0.05	0.00
KSV	112.00	-6.74%	-5.80	0.16
VC9	3.60	-5.26%	-0.01	0.01
MAC	13.30	-5.00%	-0.12	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	80.0	0.0%	1.3	118,277	384.1	3,955	20.2	100,800	46.1%	Link
KBC	Bất động sản	34.6	-0.1%	1.2	32,585	118.9	1,872	18.5	46,000	10.4%	Link
KDH	Bất động sản	33.6	-1.8%	1.1	37,650	300.8	857	39.1	39,900	27.5%	Link
PDR	Bất động sản	22.0	0.5%	1.4	21,556	235.5	211	104.3	28,200	9.0%	Link
VHM	Bất động sản	106.8	1.0%	1.2	438,672	478.4	6,133	17.4	119,600	9.0%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	96.6	0.0%	0.8	164,559	536.7	5,280	18.3	118,700	38.9%	Link
BSR	Dầu khí	15.3	-1.0%	0.0	76,361	77.9	413		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	32.8	2.5%	1.4	16,775	133.7	2,841	11.6	42,800	13.0%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.3	0.9%	1.3	24,083	159.7	1,390	16.0		34.4%	
SSI	Dịch vụ tài chính	32.3	0.9%	1.2	67,052	1010.3	1,882	17.2		32.6%	
VCI	Dịch vụ tài chính	34.0	1.8%	1.1	24,568	385.5	1,589	21.4		15.1%	
DCM	Hóa chất	33.9	0.5%	1.2	17,920	40.2	3,578	9.5	47,300	3.7%	Link
DGC	Hóa chất	96.8	1.9%	1.3	36,763	194.2	8,296	11.7	109,300	10.6%	Link
ACB	Ngân hàng	24.0	-0.2%	0.9	123,023	394.6	3,385	7.1	28,400	29.1%	Link
BID	Ngân hàng	36.9	-0.3%	1.0	258,737	58.7	3,781	9.7	49,500	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	49.1	1.3%	1.1	263,398	440.6	6,208	7.9	53,500	25.5%	Link
HDB	Ngân hàng	32.0	1.6%	1.1	123,501	518.3	3,654	8.8	34,400	23.8%	Link
MBB	Ngân hàng	23.6	1.5%	1.1	189,695	446.7	3,017	7.8	29,300	20.1%	Link
MSB	Ngân hàng	12.7	-1.6%	1.1	39,624	179.6	1,729	7.4	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	49.4	0.8%	0.9	93,130	293.9	6,519	7.6		14.8%	
TCB	Ngân hàng	34.2	3.0%	1.1	242,349	559.7	3,112	11.0	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.1	0.6%	1.2	47,436	111.4	2,358	7.3	-	24.5%	Link
VCB	Ngân hàng	57.6	0.2%	0.8	481,287	193.2	4,202	13.7	73,200	21.4%	Link
VIB	Ngân hàng	18.5	0.5%	0.9	62,804	55.3	2,225	8.3	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	28.9	-1.4%	1.1	229,290	305.9	2,603	11.1	35,650	24.3%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.5	0.0%	1.0	203,400	731.0	1,876	14.1	33,170	19.4%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.5	0.0%	1.0	10,246	53.7	1,178	14.0	19,800	4.7%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.6	0.2%	1.1	10,603	93.9	4,150	6.6	28,800	2.0%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	78.6	-0.3%	1.2	113,649	401.9	2,196	35.8	98,300	23.1%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	65.0	0.2%	0.7	135,847	440.9	4,160	15.6	64,500	50.2%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	43.1	-1.15%	1.3	9,532	80.0	2,411	17.9	22.6%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	145.0	0.00%	1.0	24,694	64.1	3,620	40.1	32.1%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	51.7	0.39%	1.1	38,378	25.5	3,578	14.5	26.9%	11.3%	
DIG	Bất động sản	20.0	-0.99%	1.2	15,929	224.7	510	39.2	4.2%	4.4%	
DXG	Bất động sản	18.4	0.00%	1.2	18,747	264.3	401	45.9	20.4%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	26.8	0.37%	1.2	5,353	57.5	3,057	8.8	2.8%	25.2%	
HDG	Bất động sản	31.1	-0.32%	1.3	11,506	74.4	938	33.2	21.1%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	39.7	-0.50%	1.3	15,066	66.9	4,849	8.2	11.1%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	35.2	-1.26%	1.2	17,079	68.0	2,151	16.4	45.3%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	55.8	-0.36%	1.0	13,510	47.8	5,474	10.2	3.1%	28.2%	
SZC	Bất động sản	30.8	0.00%	1.0	5,535	13.9	1,763	17.4	2.5%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	20.2	-0.49%	1.4	18,425	87.9	801	25.2	12.6%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	275.0	1.89%	1.4	1,059,579	2669.8	2,287	120.3	3.7%	6.2%	Link
VRE	Bất động sản	34.9	0.00%	1.3	79,304	349.7	2,144	16.3	13.7%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	36.6	-2.14%	1.1	7,739	22.3	1,833	19.9	38.2%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	34.9	1.16%	0.7	44,280	67.1	2,090	16.7	14.7%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	26.4	1.54%	0.9	14,675	129.4	1,602	16.5	8.3%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	32.3	0.31%	1.3	11,192	25.1	1,262	25.6	24.8%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	28.5	0.71%	1.8	18,773	91.6	1,675	17.0	5.2%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	66.1	1.07%	0.9	159,496	129.2	5,014	13.2	1.8%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.9	0.00%	1.0	34,894	143.9	812	18.3	3.7%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	63.1	-2.32%	0.8	34,179	30.3	4,776	13.2	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	217.9	6.87%	0.6	128,912	758.0	2,897	75.2	6.9%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	46.0	-1.39%	1.2	41,510	449.6	2,313	19.9	7.9%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	62.7	-1.26%	1.0	26,741	79.4	3,501	17.9	43.2%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	61.0	0.33%	0.7	10,301	101.5	6,185	9.9	7.0%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	19.2	2.40%	1.0	9,023	106.1	2,090	9.2	9.6%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	99.8	-1.77%	0.0	12,154	50.0	3,139	31.8	4.8%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	91.6	0.00%	0.9	31,249	40.4	6,917	13.2	48.9%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	28.0	-0.18%	0.8	3,137	31.6	2,535	11.1	48.5%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.9	0.00%	1.4	2,433	11.7	2,870	6.6	17.0%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	23.0	-0.43%	1.1	15,638	70.7	1,212	19.0	3.6%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	27.8	3.93%	1.3	111,000	72.5	1,569	17.7	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	22.3	2.30%	1.2	41,446	109.9	1,635	13.6	3.1%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	47.5	-0.84%	0.5	141,896	63.2	3,469	13.7	1.0%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.4	0.35%	0.0	24,620	46.0	2,337	6.1	1.5%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.3	0.00%	0.9	32,756	17.4	1,460	8.4	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	16.0	-0.31%	1.1	7,139	82.7	571	28.0	5.0%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	28.8	-2.37%	1.3	7,668	72.7	2,829	10.2	3.9%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	32.8	1.86%	0.7	9,972	66.2	1,715	19.1	2.8%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	52.4	6.94%	0.9	67,206	296.0	3,373	15.5	58.5%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	57.0	-0.87%	1.1	12,794	49.1	6,944	8.2	19.6%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	158.8	0.51%	0.5	13,000	16.6	14,639	10.9	85.1%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	83.9	-0.59%	1.1	8,510	54.0	6,560	12.8	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	87.0	-0.57%	1.1	9,952	12.0	5,128	17.0	5.0%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	42.8	-0.93%	1.0	4,314	27.7	3,037	14.1	5.5%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.3	0.00%	1.2	7,088	45.3	1,106	12.9	9.8%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	23.2	6.91%	0.9	9,542	197.8	1,377	16.8	12.3%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	23.7	-0.21%	1.0	15,321	103.9	6,148	3.9	4.8%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	43.3	-1.14%	1.3	19,414	30.5	3,090	14.0	2.8%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	X		Click
2	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
3	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
4	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
6	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
9	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
14	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
15	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
16	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
17	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
18	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
19	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
20	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
21	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
22	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
23	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
24	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
25	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
26	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
27	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>